

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Vân.

2. Bà Đồng Thị Mười.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nhật Trường, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 592/2019/TLST–HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

*- Bị đơn:* Chị Phùng Thị Thu T (Phùng Thị N), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 21/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh S trình bày: Anh với chị T chung sống vợ chồng vào năm 1999, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Vì không muốn gia đình đổ vỡ và để cho các con không thiếu thốn tình thương nên anh đã cố gắng hòa hợp để tiếp tục sống chung với nhau. Mọi thứ anh cố gắng nhưng hoàn toàn không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên anh đã ly thân với chị T từ đầu năm 2018 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên anh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Thành G, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Thành Th, sinh ngày 27/10/2003. Anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục

nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu G đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2019 chị T trình bày: Chị với anh S chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn. Nay chị cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Có hai người con tên Nguyễn Thành G, sinh ngày 28/01/2000 và cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 27/10/2003, hiện do anh S nuôi dưỡng. Chị đồng ý giao cháu Th cho anh Trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu Th. Đối với cháu G đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh S và chị T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh S với chị T là hợp pháp. Anh S xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay anh S xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị T. Tại bản tự khai ngày 09/01/2019, chị T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh S có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai người con tên Nguyễn Thành G, sinh ngày 28/01/2000 và Nguyễn Thành Th, sinh ngày 27/10/2003.

Xét yêu cầu nuôi cháu Th của anh S thấy rằng: Từ khi ly thân đến nay cháu Th do anh S nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác cháu Th đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống chung với anh S, chị T cũng đồng ý giao cho anh S nuôi dưỡng. Việc anh S, chị T thống nhất giao cháu Th cho anh S nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Th, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th cho anh S trực tiếp nuôi trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Xét, anh Sơn không yêu cầu chị Thảo cấp dưỡng nuôi cháu Thương nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Thành S ly hôn với chị Phùng Thị Thu T (Phùng Thị N).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Th, sinh ngày 27/10/2003 cho anh Nguyễn Thành S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phùng Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th do anh S không yêu cầu.

3. Chị T có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, giáo dục, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Án phí: Anh Nguyễn Thành S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16273 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh S đã thi hành xong án phí.

5. Anh S, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ngời Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An,  
huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
BÍCH PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**